

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
**NĂM 2023**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 4 năm 2006; đăng ký sửa đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 02 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 315.200.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: 0262.3852.619
- Website: Dawako.com.vn
- Mã cổ phiếu: DWC
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Thời gian	Sự kiện tiêu biểu
Năm 1964	Nhà cấp thủy Đắk Lắk (thuộc Quốc gia thủy cục trước đây) được xây dựng năm 1964 với công suất 4.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm là tiền thân của Công ty Cấp nước Đắk Lắk hiện nay.
Năm 1975	Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Công ty được chính quyền mới thành lập lấy tên là Nhà máy nước Thị xã Buôn Ma Thuột với chức năng sản xuất và cung cấp nước máy cho trung tâm Thị xã Buôn Ma Thuột với công suất sản xuất và khai thác là 5.000 m <sup>3</sup> /ngày.
Năm 1985	Thực hiện chủ trương chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Nhà máy nước được Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đổi tên thành Xí nghiệp Cấp nước Đắk Lắk (Xí nghiệp cấp tỉnh) với chức năng sản xuất và cung ứng nước máy trên địa bàn Thị xã Buôn Ma Thuột với công suất 7.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.
Năm 1993 - 1996	Với sự lớn mạnh của Xí nghiệp đồng thời thực hiện thêm chức năng thoát nước, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk theo Quyết định số 124/QĐ-UB ngày 03/03/1993 của

<b>Thời gian</b>	<b>Sự kiện tiêu biểu</b>
	Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
<b>Năm 2006</b>	Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk theo Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
<b>Năm 2019</b>	Ngày 27/06/2019 Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước, trong đó chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Địa bàn kinh doanh: Ngoài trụ sở chính đặt tại Thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty có 07 chi nhánh cấp nước phân bố tại các huyện: Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Cư Mgar, Ea Súp, Buôn Đôn, Krông Năng.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**a. Mô hình quản trị:** Theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng giám đốc

**b. Cơ cấu bộ máy quản lý:** Tổng giám đốc (phụ trách chung), 03 Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách các phòng ban, chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc Công ty.

**c. Các công ty con, công ty liên kết:** Không

## **4. Định hướng phát triển**

**a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- Cung cấp nước sạch một cách ổn định, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn quy định cho khách hàng trên địa bàn quản lý. Tiếp tục duy trì 100% hộ dân trên địa bàn được cung cấp và sử dụng nước sạch.

- Phân đầu đạt sản lượng nước cung cấp, doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức theo chỉ tiêu đề ra. Bảo toàn, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của đơn vị; đảm bảo hoạt động tài chính lành mạnh.

- Tổ chức, quản lý lao động, đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, quản lý, điều hành và thương mại điện tử.

- Xây dựng Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk là doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ với Nhà nước; đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

**b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Phát triển và mở rộng mạng lưới cấp nước để đưa nước sạch đến với những địa bàn chưa có nước sạch sinh hoạt.

- Đầu tư công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước để nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Ngoài cung cấp nước sạch sinh hoạt, Công ty đầu tư dự án sản xuất kinh doanh nước đóng chai/bình ra thị trường để tạo thêm doanh thu và công việc cho người lao động.

**c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

- Đồng hành cùng chính quyền địa phương, nhân dân trong công tác đầu tư xây dựng và cung cấp nước sạch sinh hoạt đến cho vùng ven, nông thôn.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

**5. Các rủi ro:**

Tiếp nối năm 2022, năm 2023 vẫn là một năm kinh tế cả nước gặp đầy khó khăn trong công cuộc khôi phục sản xuất, kinh doanh sau đại dịch Covid, Công ty CP Cấp nước Đắc Lắc vẫn luôn cố gắng duy trì mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất để kịp thời, liên tục cấp nước cho người dân tại thành phố Buôn Ma Thuột và 07 chi nhánh các huyện trên địa bàn tỉnh. Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc tự hào là doanh nghiệp có đóng góp tích cực và đi đầu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

**II. Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:**

Các chỉ tiêu kinh doanh sản xuất như tổng doanh thu, nước sản xuất và nước ghi thu cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

**b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

**Các chỉ tiêu thực hiện cơ bản năm 2023:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	228,75	222,7	102,72%
2	Nước sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	23,63	23,02	102,68%
3	Nước ghi thu	Triệu m <sup>3</sup>	19,53	19,01	102,70%
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	17,37	17,39	100,1%
5	Phát triển khách hàng	Hộ	4.482	6.130	73,12%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,14	(10,94)	
7	Lỗ lũy kế	Tỷ đồng	(3,48)	(29,55)	

Lợi nhuận năm 2023 lãi so với kế hoạch là do được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tăng giá nước sạch từ tháng 4/2023 và Công ty thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ giảm chi phí hoạt động.

**c. Tình hình thực hiện so với năm trước:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	% thực hiện 2023/2022
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	191,60	228,69	119,36%
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng	Tỷ đồng	189,60	227,94	120,22%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	1,39	0,28	20,14%
1.3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,61	0,47	77,05%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	176,22	213,55	121,18%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-15,38	15,14	
4	<b>Chỉ tiêu khác</b>				
4.1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	29,93	24,25	81,02%
4.2	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	%	0	4,86	
4.3	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	%	159,33	147,14	92,35%

**2. Tổ chức và nhân Sự**

**a. Danh sách Ban điều hành:**

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Khắc Dàn – Tổng giám đốc	10/08/1964	Cử nhân Cấp thoát nước	24/06/2019	0.02%
2	Ông Nguyễn Công Định – Phó Tổng giám đốc	21/03/1971	Cử nhân Luật	26/07/2019	0.02%
3	Ông Nguyễn Hùng – Phó Tổng giám đốc	16/02/1978	Cử nhân Quản trị kinh doanh	24/06/2019	0.02%
4	Bà Hoàng Thị Thu Hà – Phó Tổng giám đốc	23/08/1987	Thạc sỹ Kinh tế	06/01/2022	0%
5	Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng – Kế toán trưởng	02/10/1990	Cử nhân Kế toán	19/06/2023	0%

**b. Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Miễn nhiệm ông Trần Quốc Độ thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 19/06/2023 căn cứ theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 15/06/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thuý Hằng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 19/06/2023 căn cứ theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 15/06/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

**c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2023 là 314 người, trong đó: có 62 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 107 người, chiếm 34,1%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 68 người, chiếm 21,7 %; công nhân kỹ thuật 145 người, chiếm 44.2%.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, tiền ăn giữa ca, tiền đồng phục, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau,... và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a. Các khoản đầu tư lớn:** Không có

**b. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	% (+/-)	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	769,13	770,40	100,17%	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	296,59	311,72	105,10%	
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	189,53	227,94	120,27%	
4	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	-15,25	14,67	196,20%	
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-0,13	0,47	461,54%	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-15,38	15,14	198,44%	
7	Lỗ lũy kế	Tỷ đồng	-18,61	-3,48	-81,30%	

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,27	1,73	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,03	1,51	
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,53	0,59	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,38	1,47	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	4,83	4,81	
Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	0,24	0,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	-8,11	6,64	
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-5,10	4,93	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	-2,00	1,81	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-8,04	6,43	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: DWC
- Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 31.520.000 cổ phiếu
- Tổng số giá trị đăng ký giao dịch: 315.200.000.000 đồng
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc của Tổ chức ĐKGD: 984.100 cổ phiếu, là cổ phần bán thêm cho CBCNV theo số năm cam kết làm việc.

### b) Cơ cấu cổ đông:

- *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2023*

TT	Cổ đông	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	09 Lê Duẩn, phường Tự An, Tp Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	11.347.200	36,00%
2	Đỗ Hoàng Phúc	Số 12 đường Trịnh Tú, Ninh Khánh, Ninh Bình	5.000.000	15,86%
3	Phạm Thị Linh	Số 12 đường Trịnh Tú, Ninh Khánh, Ninh Bình	7.818.100	24,80%
4	Đỗ Hoàng Phương	Số 12 đường Trịnh Tú, Ninh Khánh, Ninh Bình	5.835.200	18,51%
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.000.500</b>	<b>95,18 %</b>

### - *Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:*

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp năm 2020, công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Theo đó, tại thời điểm thực hiện chuyển đổi sang loại hình CTCP, Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

### - *Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:*

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>384</b>	<b>31.518.900</b>	<b>100 %</b>
1.1	Tổ chức	2	11.387.200	36,127%
1.2	Cá nhân	382	20.131.700	63,870 %
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>1.100</b>	<b>0,003 %</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>387</b>	<b>31.520.000</b>	<b>100 %</b>

### c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có

### d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

e) **Các chứng khoán khác:** Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch trong năm 2023:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tổng số lượng
1	Clo lỏng	Kg	18.652
2	Hoá chất PAC	Kg	68.441
3	Phèn	Kg	13.216
4	Muối sản xuất javen	Kg	7.200
5	Axit Citric	Kg	180

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Đơn vị tính: KW

STT	Chi nhánh	Lượng điện tiêu thụ
1	Buôn Ma Thuột	6.305.300
2	Krông Păk	194.392
3	Buôn Hồ	1.519.560
4	Cư M'gar	164.955
5	Ea Kar	84.914
6	Ea Súp	220.290
7	Buôn Đôn	65.254
8	Krông Năng	44.650
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.599.315</b>

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

STT	CN sản xuất nước	Nguồn cung cấp	Sản lượng sản xuất (m <sup>3</sup> )
1	Buôn Ma Thuột	Nước mặt, nước dưới đất	19.150.218
2	Krông Păk	Nước dưới đất	913.981
3	Buôn Hồ	Nước mặt, nước dưới đất	2.245.991
4	Cư M'gar	Nước dưới đất	433.719

5	Ea Kar	Nước mặt	149.307
6	Ea Súp	Nước mặt	682.857
7	Buôn Đôn	Nước mặt	55.261
8	Krông Năng	Nước mặt	36.518
<b>Tổng cộng</b>			<b>23.633.772</b>

**b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Không có

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2023 là 314 người, trong đó: có 62 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 107 người, chiếm 34,1%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 68 người, chiếm 21,7 %; công nhân kỹ thuật 145 người, chiếm 44.2%.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân: 10.518.247 đồng/người/tháng.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe: Trong năm đã tổ chức cho CBCNV khám sức khỏe định kỳ với tổng kinh phí là 116.546.800 đồng.

- Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động: Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:

- |                         |                       |
|-------------------------|-----------------------|
| ○ Bảo hiểm xã hội:      | ○ 5.305.740.822 đồng. |
| ○ Bảo hiểm y tế:        | ○ 938.782.470 đồng.   |
| ○ Bảo hiểm thất nghiệp: | ○ 417.814.161 đồng.   |

- Công tác trang bị đồng phục, bảo hộ lao động: Năm 2023 đã trang bị với tổng số tiền là: 167.892.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Công ty tham gia đóng góp hỗ trợ, tặng quà cho các buôn làng tại địa phương vào các dịp Lễ, Tết....

Trích nộp quỹ phòng chống thiên tai năm 2023 với tổng số tiền là: 128.630.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng chẵn*).

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.**



### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bám sát những định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, Ban Tổng Giám đốc phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Một mặt duy trì và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của các tài sản, nguồn lực hiện hữu, nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của Công ty.

Năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã tích cực lãnh đạo Công ty điều hành sản xuất kinh doanh, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra để thực hiện và cơ bản hoàn thành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản:

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ là:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Loại Tài Sản	Giá trị đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	46,18	2,57	5,34	43,42
2	Máy móc, thiết bị	46,16	9,80	13,78	42,19
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	520,29	23,32	64,30	479,31
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	0,01	-	0,01	0
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>612,64</b>	<b>35,69</b>	<b>83,42</b>	<b>564,92</b>

##### b) Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2023, Công ty đã chi trả nợ gốc và lãi vay vốn ADB của dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện Ea Kar – Krông Năng – Buôn Đôn với số tiền hơn 46 tỷ đồng, chi đầu tư cải tạo, mở rộng mạng lưới phát triển khách hàng nhằm khai thác công suất của các nhà máy số tiền hơn 22 tỷ đồng. Dư nợ cuối kỳ còn lại là: 410,63 tỷ đồng.

Hiện nay, Công ty vẫn còn công nợ đối với các nhà thầu thi công dự án ADB số tiền 11,80 tỷ đồng và các nhà cung cấp vật tư 11,37 tỷ đồng.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy trình, quy định của công ty và các Phòng ban, Chi nhánh cấp nước cho phù hợp với mô hình công ty.

- Sắp xếp, củng cố bộ máy và bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo các Phòng ban, Chi nhánh cấp nước.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty giao;

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100%;

- Phấn đấu hạ tỷ lệ nước thất thoát xuống mức thấp nhất;

- Xây dựng và thực hiện nền tài chính lành mạnh, minh bạch;

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông.

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Ngày 25/3/2024 Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk và Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc đã tiến hành lập Báo cáo tài chính đã được

kiểm toán cho năm tài chính 2023. Trong đó, đơn vị kiểm toán có đưa ra ý kiến ngoại trừ: Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc như các khoản phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận; khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

*Với ý kiến nêu trên, Công ty xin giải trình như sau:*

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc chính thức được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắc Lắc (100% vốn nhà nước) sang Công ty cổ phần đi vào hoạt động kể từ ngày 27/6/2019. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có Quyết định chính thức phê duyệt quyết toán bàn giao vốn và tài sản từ Công ty nhà nước cho Công ty cổ phần, vì vậy chưa xác định được chi phí dở dang, chi phí đầu tư XDCB dở dang, khoản nợ phải thu phải trả để bàn giao sang Công ty cổ phần. Về phía Công ty Cổ phần cũng đã nhiều lần có văn bản gửi UBND tỉnh Đắc Lắc xem xét quyết toán bàn giao vốn và tài sản sớm.

#### ***6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty***

- Công ty sản xuất nước luôn tuân thủ và đáp ứng các tiêu chí của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo chế độ cho người lao động về công việc cũng như giúp đỡ, thăm hỏi trong cuộc sống.

- Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tích cực tham gia đóng góp hỗ trợ cho cộng đồng, địa phương như: giảm giá tiền nước do dịch Covid, hỗ trợ các Buôn làng,...

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### ***1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty***

Năm 2023, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và sự đóng góp tích cực của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, đồng thời nhờ thời tiết thuận lợi nên sản lượng tiêu thụ nước gia tăng mạnh, tình hình sản xuất kinh doanh của Cty được cải thiện đáng kể. Các chỉ tiêu kinh doanh sản xuất kinh doanh cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, từ tháng 4/2023, giá bán nước sạch được điều chỉnh tăng chính thức cũng góp phần cải thiện doanh thu tiền nước toàn Công ty, nhiều chi nhánh đã bắt đầu có lãi. Toàn Công ty đã có lợi nhuận trong năm vượt kế hoạch là do được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tăng giá nước sạch từ tháng 4/2023 và Công ty thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ giảm chi phí hoạt động.

##### ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc***

Hội đồng quản trị giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng, cùng đoàn kết hoàn thành tốt vai trò của mình để thực hiện các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị. Các chủ trương của Hội đồng quản trị đưa ra cũng được Ban Tổng giám đốc triển khai đầy đủ và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% KH2024 /TH 2023
1	Nước sản xuất	triệu m <sup>3</sup>	23,63	24,97	105,67%
2	Nước ghi thu	triệu m <sup>3</sup>	19,53	20,87	106,86%
3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	17,37	16,42	106%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	228,75	284,36	124,31%
5	Phát triển khách hàng	Hộ	4.482	4.657	103,9%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,14	11,32	74,77%
7	Lãi/lỗ lũy kế	Tỷ đồng	(3,48)	7,84	

#### **Các hành động cụ thể:**

HDQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn.

Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch, dự kiến xin phép nâng công suất khai thác các nguồn hiện hữu, đầu tư xây dựng thêm nhà máy tại một số chi nhánh, đảm bảo tầm xa 10-15 năm và bám sát quy hoạch, định hướng phát triển đô thị của địa phương.

Giao Ban Tổng giám đốc xây dựng các phương án chống thất thoát hiệu quả. Thực hiện cải tạo, nâng cấp và thay mới mạng lưới nước đã xuống cấp, hư hỏng.

Thực hiện khảo sát và đầu tư hệ thống Điều khiển trung tâm nhằm đồng bộ hoạt động sản xuất nước.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2024 thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ, HDQT sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân Quản lý hành chính, Cử nhân Luật, Cử nhân Chính trị, Cử nhân ngành Điều tra tội phạm	24/6/2019	15.86%
2	Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thạc sỹ Điện tử tự động hóa	18/02/2022	18.51%
3	Bà Phạm Thị Linh	Thành viên HĐQT	Cử nhân Kế toán thống kê	18/02/2022	24.8%
4	Ông Nguyễn Khắc Dân	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Cử nhân Cấp thoát nước	24/6/2019	0.02%
5	Ông Nguyễn Công Định	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	Cử nhân Luật	24/6/2019	0.02%

#### b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk đã tiến hành các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành 23 Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	06/01/2023	NQ vv thông qua Báo cáo về kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	15/02/2023	NQ vv thông qua Quy chế Lương khoán và Thưởng; Quy chế Quản lý và sử dụng các khoản chi có tính phúc lợi	100%
3	03/2023/NQ-HĐQT	10/3/2023	NQ vv thông qua phương án tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023	100%
4	04/2023/NQ-	27/3/2023	NQ vv thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương	100%

	HĐQT			
5	05/2023/NQ-HĐQT	01/4/2023	NQ vv thông qua các nội dung tài liệu tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023	100%
6	06/2023/NQ-HĐQT	05/4/2023	NQ vv thông qua việc giao dịch tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	100%
7	07/2023/NQ-HĐQT	20/4/2023	NQ vv thông qua văn bản kiến nghị của ông Đỗ Hoàng Phương	100%
8	09/2023/NQ-HĐQT	27/4/2023	NQ về việc: - Thông qua Đầu tư xây dựng nhà xưởng phục vụ SXKD và kho bãi; - Điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2023; - Kết quả SXKD quý I/2023, Kế hoạch SXKD quý II/2023	100%
9	10/2023/NQ-HĐQT	16/5/2023	NQ vv phê duyệt chủ trương mua nước si của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột	100%
10	11/2023/NQ-HĐQT	24/5/2023	NQ vv thành lập Chi nhánh SXKD nước đóng chai	100%
11	12/2023/NQ-HĐQT	24/5/2023	NQ vv phân giao nhiệm vụ đối với ông Nguyễn Hùng – Phó TGD kiêm GD Chi nhánh SXKD nước đóng chai	100%
12	13/2023/NQ-HĐQT	21/6/2023	NQ vv miễn nhiệm và bổ nhiệm mới chức vụ Kế toán trưởng	100%
13	14/2023/NQ-HĐQT	23/6/2023	NQ vv phê duyệt chủ trương mua nước bán buôn của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý	100%
14	15/2023/NQ-HĐQT	23/6/2023	NQ vv phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phó GD Chi nhánh SXKD nước đóng chai	100%
15	16/2023/NQ-HĐQT	18/7/2023	NQ vv phê duyệt thưởng cho tập thể phòng ban, chi nhánh 6 tháng đầu năm 2023	100%
16	17/2023/NQ-HĐQT	17/8/2023	NQ vv thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III-2023 và Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	100%
17	18/2023/NQ-HĐQT	21/9/2023	NQ vv thông qua giá bán và chính sách bán hàng sản phẩm nước đóng chai	100%

18	19/2023/NQ-HĐQT	21/9/2023	NQ vv thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đắk Lắk để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh cung cấp nước sạch của Công ty	100%
19	20/2023/NQ-HĐQT	25/10/2023	NQ vv thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đắk Lắk để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh cung cấp nước sạch của Công ty	100%
20	21/2023/NQ-HĐQT	03/11/2023	NQ vv ban hành Quy trình Quản lý và Thu hồi công nợ của Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk	100%
21	22/2023/NQ-HĐQT	09/11/2023	NQ vv phê duyệt miễn nhiệm và bổ nhiệm mới cán bộ quản lý chi nhánh Cấp nước Krông Pắc	100%
22	23/2023/NQ-HĐQT	17/11/2023	NQ vv thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh Quý III và Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV – 2023; Báo cáo tài chính Quý III năm 2023	100%
23	24/2023/NQ-HĐQT	18/12/2023	NQ vv Về việc ký Hợp đồng lao động và chi trả tiền lương, các chế độ cho người lao động	100%

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự...theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

## **2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán**

### **a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

<b>STT</b>	<b>Thành viên BKS</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bắt đầu thành viên BKS</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết</b>
1	Bà Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng Ban kiểm soát	18/02/2022	Cử nhân Luật	0%
2	Bà Hà Thị Thu Huyền	Kiểm soát viên	18/02/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0.02%
3	Bà Lê Thị Mai Ngọc	Kiểm soát viên	24/06/2019	Cử nhân Kinh tế	0.01%

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ 02 lần/ năm và kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo quy định quản trị doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tham dự họp HĐQT, trực tiếp thảo luận các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động Sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thông qua việc kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2023, các báo cáo tài chính kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác, trung thực các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chất vấn Hội đồng quản trị và Ban điều hành đối với những hoạt động bất thường.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

*a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).*

*ĐVT: đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2023	Tổng thù lao (lương và thưởng) thực hiện năm 2023	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2024
01	Chủ tịch HĐQT	400.000.000	365.822.963	400.000.000
02	Phó chủ tịch HĐQT	250.000.000	120.000.000	250.000.000
03	Các TV HĐQT (3 TV)	0	0	0
04	Ban kiểm soát (3TV)	120.000.000	25.000.000	120.000.000

*b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có*

*c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có*

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 055/2024/BCKT-PB.00463 ngày 25/3/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC VIETNAM – Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế. Trong đó, đơn vị kiểm toán có đưa ra ý kiến ngoại trừ: Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc như các khoản phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận; khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại Ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại thời điểm ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán được đính kèm theo Báo cáo này.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**Đỗ Hoàng Phúc**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

---

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 35

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Dân	Thành viên
Bà Phạm Thị Linh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Khắc Dân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Định	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/06/2023
Ông Trần Quốc Độ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/06/2023

**Ban Kiểm soát**

Bà Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng ban
Bà Lê Thị Mai Ngọc	Thành viên
Bà Hà Thị Thu Huyền	Thành viên

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sinh ngày 03/07/1957; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 037057001333 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/06/2022; địa chỉ thường trú: số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, đường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng kỳ này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Cam kết về công bố thông tin**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**8. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Đỗ Hoàng Phúc**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 03 năm 2024



Số: 055/2024/BCKT-PB.00463

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Đăk Lăk**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đăk Lăk (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2023 ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán còn tồn đọng một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VND đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Giá trị khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa đang được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.497.465.174 VND. Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu, phải trả trong đó: phải thu khách hàng với số tiền là 4.044.469.208 VND, trả trước cho người bán với số tiền là 237.933.000 VND, phải thu khác với số tiền là 1.491.650.727 VND và phải trả người bán với số tiền là 496.904.992 VND. Theo đó chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty đang theo dõi ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2024

**NGUYỄN VĂN VINH**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023 - 2020 - 009 - 1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>164.160.277.867</b>	<b>115.865.387.483</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>16.339.585.484</b>	<b>2.213.832.510</b>
1. Tiền	111		16.339.585.484	2.213.832.510
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>14.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	14.500.000.000
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.758.972.368</b>	<b>35.393.357.800</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.557.222.211	10.316.378.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.761.220.351	3.114.653.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	75.152.829.397	26.325.887.039
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(4.712.299.591)	(4.363.561.095)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>21.685.367.923</b>	<b>21.688.542.436</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.685.367.923	21.688.542.436
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.376.352.092</b>	<b>42.069.654.737</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	28.893.288
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.376.352.092	42.040.761.449
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>606.236.038.467</b>	<b>653.261.822.671</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>568.746.267.430</b>	<b>616.436.499.073</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	564.914.062.483	612.636.640.283
- Nguyên giá	222		1.104.664.016.516	1.068.970.972.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(539.749.954.033)	(456.334.332.008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.832.204.947	3.799.858.790
- Nguyên giá	228		7.271.634.545	6.276.734.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.439.429.598)	(2.476.875.755)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.771.337.778</b>	<b>10.453.981.797</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	16.771.337.778	10.453.981.797
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.718.433.259</b>	<b>26.371.341.801</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	20.718.433.259	26.371.341.801
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>770.396.316.334</b>	<b>769.127.210.154</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>458.674.193.802</b>	<b>472.542.104.590</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94.638.773.296</b>	<b>91.395.933.066</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	11.372.592.520	12.593.652.672
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	111.175.045	102.979.547
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.109.297.542	1.605.435.146
4. Phải trả người lao động	314		9.945.256.540	7.844.126.621
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.229.469.410	2.093.392.420
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	17.308.986.069	17.318.885.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	47.901.887.026	46.189.271.779
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.660.109.144	3.648.189.144
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>364.035.420.506</b>	<b>381.146.171.524</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	1.310.887.947	1.155.026.003
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	362.724.532.559	379.991.145.521
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>311.722.122.532</b>	<b>296.585.105.564</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>311.722.122.532</b>	<b>296.585.105.564</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.477.877.468)	(18.614.894.436)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(18.614.894.436)	(3.238.464.920)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.137.016.968	(15.376.429.516)
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>770.396.316.334</b>	<b>769.127.210.154</b>



Đỗ Hoàng Phúc  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Đắk Lắk, Việt Nam  
 Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Thuý Hằng  
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Độ  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	228.000.099.056	189.597.809.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		57.916.160	62.869.945
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		227.942.182.896	189.534.939.673
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	109.755.344.568	111.925.805.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.186.838.328	77.609.134.054
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	272.777.075	1.388.954.616
7. Chi phí tài chính	22	6.04	36.827.553.732	26.227.794.578
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.146.680.944	12.064.353.556
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	43.151.254.109	41.659.817.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	23.814.328.937	26.355.658.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.666.478.625	(15.245.181.099)
11. Thu nhập khác	31		474.489.254	610.660.385
12. Chi phí khác	32		3.950.911	741.908.802
13. Lợi nhuận khác	40		470.538.343	(131.248.417)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.137.016.968	(15.376.429.516)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.137.016.968	(15.376.429.516)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	480	(488)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.08	480	(488)



Đỗ Hoàng Phúc  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Đắk Lắk, Việt Nam  
 Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Thuý Hằng  
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Độ  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B03 – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.137.016.968</b>	<b>(15.376.429.516)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	84.378.175.868	79.945.148.259
- Các khoản dự phòng	03	348.738.496	2.713.568.266
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.267.294.471	5.398.559.233
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(272.777.075)	(1.388.954.616)
- Chi phí lãi vay	06	26.146.680.944	12.064.353.556
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>136.005.129.672</b>	<b>83.356.245.182</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(46.049.943.707)	19.162.721.012
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.174.513	2.954.352.447
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.581.207.544)	(3.285.660.003)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.681.801.830	(810.716.166)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.184.957.347)	(13.145.040.592)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>61.873.997.417</b>	<b>88.231.901.880</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(43.233.775.799)	(34.220.085.932)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.500.000.000)	(43.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	17.000.000.000	29.011.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	812.815.432	1.388.954.616
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(30.920.960.367)</b>	<b>(46.820.131.316)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	20.000.000.000	16.360.399.435
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(46.234.870.503)	(67.179.756.426)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(26.234.870.503)</b>	<b>(50.819.356.991)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4.718.166.547</b>	<b>(9.407.586.427)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>11.621.418.937</b>	<b>11.621.418.937</b>
<b>Ảnh hưởng tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.339.585.484</b>	<b>2.213.832.510</b>



Đỗ Hoàng Phúc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Thuý Hằng  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Độ  
Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Tổng số cổ phần: 31.520.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác./.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 304 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 316 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

##### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn 12 tháng bao gồm cả các chi phí hoạt động chờ phân bổ tương ứng doanh thu trong năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí bảo trì, bảo dưỡng**

Chi phí bảo trì bảo dưỡng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**Chi phí thuê bao đồng hồ**

Chi phí thuê bao đồng hồ được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo chu kỳ kiểm định là 5 năm.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Phần mềm**

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**Quyền khai thác nước ngầm**

Quyền khai thác nước ngầm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-20 năm theo thời hạn được cấp quyền.

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**4.13 Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

**4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

**4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

**4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/3/2013 và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008. Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**4.18 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	159.348.835	65.075.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.180.236.649	2.148.756.678
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>16.180.236.649</i>	<i>2.148.756.678</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>16.339.585.484</u></b>	<b><u>2.213.832.510</u></b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>14.500.000.000</b>	<b>14.500.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.000.000.000</u></b>	<b><u>3.000.000.000</u></b>	<b><u>14.500.000.000</u></b>	<b><u>14.500.000.000</u></b>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đắk Lắk, lãi suất từ 5,2 - 5,4%/năm.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>9.557.222.211</b>	<b>(3.224.759.492)</b>	<b>10.316.378.219</b>	<b>(2.876.020.996)</b>
Khách hàng cung cấp nước sạch	3.066.958.875	(1.301.361.592)	2.911.782.595	(952.623.096)
Khách hàng cung cấp dịch vụ	6.490.263.336	(1.923.397.900)	7.404.595.624	(1.923.397.900)
<b>Cộng</b>	<b>9.557.222.211</b>	<b>(3.224.759.492)</b>	<b>10.316.378.219</b>	<b>(2.876.020.996)</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Trả trước các khách hàng khác</b>	<b>6.761.220.351</b>	-	<b>3.114.653.637</b>	-
Công ty Cổ phần Thiết bị CN và công nghệ môi trường Dea Han	745.553.600	-	1.188.000.000	-
Công ty Cổ phần Phần mềm BRAVO	-	-	220.470.000	-
Công ty TNHH Cung cấp TB điện và XDCN Việt Nam	1.355.933.655	-	928.750.137	-
Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hồng Phát Ninh Bình	946.574.200	-	-	-
Các đối tượng khác	3.713.158.896	-	777.433.500	-
<b>Cộng</b>	<b>6.761.220.351</b>	-	<b>3.114.653.637</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA Cấp nước tỉnh Đắk Lắk (i)	23.412.011.667	-	21.892.355.018	-
Phải thu CBCNV	48.722.268.000	(1.487.540.099)	2.689.355.979	(1.487.540.099)
Phải thu khác	3.018.549.730	-	1.744.176.042	-
<b>Cộng</b>	<b>75.152.829.397</b>	<b>(1.487.540.099)</b>	<b>26.325.887.039</b>	<b>(1.487.540.099)</b>

(i): Phản ánh khoản tiền vay giải ngân cho Ban quản lý dự án cấp nước tỉnh Đắk Lắk (Ban QLDA) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước Thành phố Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn: thị trấn Ea Kar, thị trấn Krông Năng và thị trấn Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk theo Hiệp định vay số 2961 ngày 4/5/2013 ký giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á, theo hợp đồng vay phụ số LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk và hợp đồng vay số 25/2018/HỆTD ngày 20/12/2018 ký giữa Công ty và Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (xem thuyết minh số 5.17).

Ban QLDA được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 9/5/2013 để thực hiện Dự án nói trên, có con dấu riêng, tài khoản riêng và hạch toán độc lập với Công ty. Khi có các hạng mục công trình thuộc dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty sẽ nhận bàn giao từ Ban QLDA và ghi tăng tài sản cố định, thuế GTGT được khấu trừ, đồng thời ghi giảm các khoản phải thu khác với số tiền tương ứng.

**5.6 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.505.639.154	-	19.511.825.707	-
Công cụ, dụng cụ	84.626.680	-	81.614.640	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.095.102.089	-	2.095.102.089	-
Hàng hoá	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.685.367.923</b>	<b>-</b>	<b>21.688.542.436</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản khác	-	28.893.288
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>28.893.288</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.163.136.595	23.959.496.489
Chi phí cải tạo, sửa chữa	205.909.996	2.006.189.468
Các khoản khác	349.386.668	405.655.844
<b>Cộng</b>	<b>20.718.433.259</b>	<b>26.371.341.801</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

**5.8.1 Nợ xấu**

	31/12/2023		31/12/2023		01/01/2023	
	VND	T/g quá hạn	Giá trị có thể thu hồi VND	T/g quá hạn	Giá trị có thể thu hồi VND	T/g quá hạn
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>3.224.759.492</b>			<b>2.876.020.996</b>		
Trung tâm PT Quý đất tỉnh Đắk Lắk	219.584.000	>3 năm	-	219.584.000	-	>3 năm
UB nhân dân xã Hòa Thắng	270.012.900	>3 năm	-	270.012.900	-	>3 năm
Ban QLDA huyện Ea Kar	774.660.000	>3 năm	-	774.660.000	-	>3 năm
Ban quản lý dự án huyện M'Drak	378.830.000	>3 năm	-	378.830.000	-	>3 năm
Phòng kinh tế huyện Cư Mgar	280.311.000	>3 năm	-	280.311.000	-	>3 năm
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2010 trở đi)	1.138.908.862	>3 năm	-	790.170.366	-	>3 năm
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2006 -> 2010)	92.017.850	>3 năm	-	92.017.850	-	>3 năm
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2000 -> 2006)	70.434.880	>3 năm	-	70.434.880	-	>3 năm
<b>Phải thu CBCNV</b>	<b>1.487.540.099</b>			<b>1.487.540.099</b>		
Ông Nguyễn Viết Thanh	1.487.540.099	>3 năm	-	1.487.540.099	-	>3 năm
<b>Cộng</b>	<b>4.712.299.591</b>			<b>4.363.561.095</b>		

**5.8.2 Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	4.363.561.095	-	4.363.561.095
Trích lập dự phòng bổ sung	348.738.496	-	348.738.496
Tại ngày 31/12/2023	4.712.299.591	-	4.712.299.591

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	121.027.400.236	105.962.377.286	841.255.011.769	726.183.000	1.068.970.972.291
Mua trong năm	-	9.801.753.562	1.105.568.000	-	10.907.321.562
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.568.324.534	-	22.217.398.129	-	24.785.722.663
Số dư tại 31/12/2023	123.595.724.770	115.764.130.848	864.577.977.898	726.183.000	1.104.664.016.516
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư tại 01/01/2023	74.842.515.612	59.802.420.030	320.969.557.730	719.838.636	456.334.332.008
Khấu hao trong năm	5.336.498.008	13.775.240.134	64.297.539.519	6.344.364	83.415.622.025
Số dư tại 31/12/2023	80.179.013.620	73.577.660.164	385.267.097.249	726.183.000	539.749.954.033
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2023	46.184.884.624	46.159.957.256	520.285.454.039	6.344.364	612.636.640.283
Số dư tại 31/12/2023	43.416.711.150	42.186.470.684	479.310.880.649	-	564.914.062.483

*Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*

- Tại ngày 01/01/2023
- Tại ngày 31/12/2023

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình mang đi cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2023 là: 72.810.658.910 VND (tại ngày 31/12/2022 là: 75.985.605.025 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	2.661.470.000	3.615.264.545	6.276.734.545
Mua trong năm	994.900.000	-	994.900.000
Số dư tại 31/12/2023	<b>3.656.370.000</b>	<b>3.615.264.545</b>	<b>7.271.634.545</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư tại 01/01/2023	1.069.685.761	1.407.189.994	2.476.875.755
Khấu hao trong năm	476.406.447	486.147.396	962.553.843
Số dư tại 31/12/2023	<b>1.546.092.208</b>	<b>1.893.337.390</b>	<b>3.439.429.598</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2023	1.591.784.239	2.208.074.551	3.799.858.790
Số dư tại 31/12/2023	<b>2.110.277.792</b>	<b>1.721.927.155</b>	<b>3.832.204.947</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
- Tại ngày 01/01/2023	42.400.000	519.225.454	561.625.454
- Tại ngày 31/12/2023	<b>413.240.000</b>	<b>519.225.454</b>	<b>932.465.454</b>

**5.11 Chi phí XDCB dở dang**

	01/01/2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
- Dự án Cấp nước 3 Huyện (EaKar - Buôn đôn - Krông Năng)	1.204.830.684	-	-	1.204.830.684
- Lắp đặt ống HDPE D90, D63 thôn 13,14,18 xã Hoà Khánh, TP.BMT	2.310.441.572	1.109.332.369	3.419.773.941	-
- XD bể chứa, đường ống công nghệ và sơn lại văn phòng khuôn viên CN.KrôngPắc	1.283.930.541	65.281.177	1.349.211.718	-
- DA nước đóng chai: Khung vách nhà xưởng Km14-QL26, X.EaTul, Tp.BMT	-	3.353.446.457	-	3.353.446.457
- DA nước đóng chai: Điện cấp nguồn nhà xưởng Km14-QL26, X.EaTul, Tp.BMT	-	1.177.626.962	-	1.177.626.962
- DA nước đóng chai: Cổng, tường rào, đường nội bộ, SC nhà trực, nhà vệ sinh- Km14-QL26, X.EaTul, Tp.BMT	-	1.162.189.323	-	1.162.189.323
- Công trình khác	5.654.779.000	32.394.853.160	28.176.387.808	9.873.244.352
<b>Cộng</b>	<b>10.453.981.797</b>	<b>39.262.729.448</b>	<b>32.945.373.467</b>	<b>16.771.337.778</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>11.372.592.520</b>	<b>11.372.592.520</b>	<b>12.593.652.672</b>	<b>12.593.652.672</b>
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	4.361.709.999	4.361.709.999	4.861.709.999	4.861.709.999
Ban quản lý công trình vốn khấu hao	1.558.001.433	1.558.001.433	1.558.001.433	1.558.001.433
Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột	370.045.302	370.045.302	1.095.293.382	1.095.293.382
Điện lực Bắc Buôn Ma Thuột	632.565.133	632.565.133	-	-
Công Ty TNHH Thương mại dịch vụ	677.268.131	677.268.131	977.268.131	977.268.131
Các đối tượng khác	3.773.002.522	3.773.002.522	4.101.379.727	4.101.379.727
<b>Cộng</b>	<b>11.372.592.520</b>	<b>11.372.592.520</b>	<b>12.593.652.672</b>	<b>12.593.652.672</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Người mua trả tiền trước khác</b>	<b>111.175.045</b>	<b>111.175.045</b>	<b>102.979.547</b>	<b>102.979.547</b>
Công ty TNHH Đầu Tư Công Nghệ SeaGol	102.910.000	102.910.000	102.910.000	102.910.000
Các đối tượng khác	8.265.045	8.265.045	69.547	69.547
<b>Cộng</b>	<b>111.175.045</b>	<b>111.175.045</b>	<b>102.979.547</b>	<b>102.979.547</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	553.751.136	553.751.136	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.209.149	142.885.945	145.529.137	-	19.565.957
Thuế tài nguyên	-	231.960.930	2.972.323.980	2.964.978.420	-	239.306.490
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	82.773.368	82.773.368	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	1.351.265.067	20.491.860.294	19.992.700.266	-	1.850.425.095
<b>Cộng</b>	-	<b>1.605.435.146</b>	<b>24.251.594.723</b>	<b>23.747.732.327</b>	-	<b>2.109.297.542</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay	2.036.778.000	1.075.054.403
Chi phí tiền điện tháng 12	-	927.428.926
Chi phí khác	192.691.410	90.909.091
<b>Cộng</b>	<b>2.229.469.410</b>	<b>2.093.392.420</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá trị <i>VND</i>	Số có khả năng trả nợ <i>VND</i>	Giá trị <i>VND</i>	Số có khả năng trả nợ <i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	12.033.845	12.033.845	-	-
Phí thoát nước phải trả	4.576.115.271	4.576.115.271	4.411.525.303	4.411.525.303
Tín dụng chuyên ngành Hiệp định VN X- 3	8.059.727.581	8.059.727.581	8.059.727.581	8.059.727.581
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	2.497.465.174	2.497.465.174	2.497.465.174	2.497.465.174
Phải trả khác	2.163.644.198	2.163.644.198	2.350.167.679	2.350.167.679
<b>Cộng</b>	<b>17.308.986.069</b>	<b>17.308.986.069</b>	<b>17.318.885.737</b>	<b>17.318.885.737</b>

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá trị <i>VND</i>	Số có khả năng trả nợ <i>VND</i>	Giá trị <i>VND</i>	Số có khả năng trả nợ <i>VND</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	1.310.887.947	1.310.887.947	1.155.026.003	1.155.026.003
<b>Cộng</b>	<b>1.310.887.947</b>	<b>1.310.887.947</b>	<b>1.155.026.003</b>	<b>1.155.026.003</b>

(i): là các khoản ký quỹ của các khách hàng sử dụng nước sạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính****5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>1&gt; Vay ngắn hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>2&gt; Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>27.901.887.026</b>	<b>27.901.887.026</b>	<b>27.947.485.750</b>	<b>46.234.870.503</b>	-	<b>46.189.271.779</b>	<b>46.189.271.779</b>	<b>46.189.271.779</b>
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	27.901.887.026	27.901.887.026	27.947.485.750	46.234.870.503	-	46.189.271.779	46.189.271.779	46.189.271.779
<b>Cộng</b>	<b>47.901.887.026</b>	<b>47.901.887.026</b>	<b>47.947.485.750</b>	<b>46.234.870.503</b>	-	<b>46.189.271.779</b>	<b>46.189.271.779</b>	<b>46.189.271.779</b>

**5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>1&gt; Vay dài hạn</b>	<b>362.724.532.559</b>	<b>362.724.532.559</b>	-	<b>27.947.485.750</b>	-	<b>379.991.145.521</b>	<b>379.991.145.521</b>	<b>379.991.145.521</b>
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	362.724.532.559	362.724.532.559	-	27.947.485.750	10.680.872.788	379.991.145.521	379.991.145.521	379.991.145.521
<b>Cộng</b>	<b>362.724.532.559</b>	<b>362.724.532.559</b>	-	<b>27.947.485.750</b>	<b>10.680.872.788</b>	<b>379.991.145.521</b>	<b>379.991.145.521</b>	<b>379.991.145.521</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

(i) Thông tin thuyết minh bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính:

Hợp đồng vay NGÂN HẠN	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023	Dư nợ đến hạn trả trong 12 tháng	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
<b>Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk (i)</b> Hợp đồng cấp tín dụng 162454.23.340.650519.T D ngày 28 tháng 09 năm 2023	Theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 12 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	20 tỷ VND	20.000.000.000		Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cùng cấp nước sạch	- Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo Hợp đồng hạn mức và các văn kiện sửa đổi là các hợp đồng tiền gửi số của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đắk Lắk với tổng giá trị là 3 tỷ đồng
<b>DÀI HẠN</b> <b>Khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)</b> LOAN NO 2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014	25 năm	LIBOR (USD 6 tháng) + mức chênh lệch 0,4%/năm + phí niên hạn 0,1%/năm + phí cho vay lại 0,25%/năm	24.590.000 USD	17.936.886,25 USD	1.142.349,52 USD	Thực hiện dự án cấp nước TP Buôn Ma Thuột và 3 huyện (Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn)	- Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay
				390.626.419.585	27.901.887.026		
				<b>410.626.419.585</b>	<b>27.901.887.026</b>		

Cộng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu****5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>(3.238.464.920)</b>	<b>311.961.535.080</b>
Lỗi trong năm trước		(15.376.429.516)	(15.376.429.516)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>(18.614.894.436)</b>	<b>296.585.105.564</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>(18.614.894.436)</b>	<b>296.585.105.564</b>
Lãi trong năm nay		15.137.016.968	15.137.016.968
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>(3.477.877.468)</b>	<b>311.722.122.532</b>

**5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk	113.472.000.000	36,00%	113.472.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	78.181.000.000	24,80%	78.181.000.000	24,80%
Đỗ Hoàng Phúc	50.000.000.000	15,86%	50.000.000.000	15,86%
Đỗ Hoàng Phương	58.352.000.000	18,51%	58.352.000.000	18,51%
Cổ đông khác	15.195.000.000	4,82%	15.195.000.000	4,82%
<b>Cộng</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>100%</b>

**5.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	315.200.000.000	315.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	315.200.000.000	315.200.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**5.18.3 Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.520.000	31.520.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu phổ thông	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu phổ thông	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu cung cấp nước sạch	208.189.789.131	166.668.635.324
Doanh thu hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	19.810.309.925	22.929.174.294
<b>Cộng</b>	<b>228.000.099.056</b>	<b>189.597.809.618</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023	Năm 2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch	95.398.105.081	94.751.987.143
Giá vốn hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	14.357.239.487	17.173.818.476
<b>Cộng</b>	<b>109.755.344.568</b>	<b>111.925.805.619</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	272.777.075	1.388.954.616
<b>Cộng</b>	<b>272.777.075</b>	<b>1.388.954.616</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.146.680.944	12.064.353.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	413.578.317	8.764.881.789
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.267.294.471	5.398.559.233
<b>Cộng</b>	<b>36.827.553.732</b>	<b>26.227.794.578</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.823.309.466	6.197.225.775
Chi phí vật liệu, bao bì	28.706.093	55.060.146
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.951.736.522	34.676.523.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.548.545	73.500.000
Chi phí bằng tiền khác	1.231.953.483	657.507.650
<b>Cộng</b>	<b>43.151.254.109</b>	<b>41.659.817.092</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.206.708.226	13.293.039.602
Chi phí vật liệu quản lý	226.670.458	335.130.860
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.164.814.589	3.863.426.370
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	8.000.000
Chi phí dự phòng	348.738.496	2.713.568.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.588.700.233	1.303.528.852
Chi phí bằng tiền khác	3.270.696.935	4.838.964.149
<b>Cộng</b>	<b>23.814.328.937</b>	<b>26.355.658.099</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	262.992.754	289.299.941
Các khoản khác	211.496.500	321.360.444
<b>Cộng</b>	<b>474.489.254</b>	<b>610.660.385</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản phạt	-	499.023.409
Các khoản khác	3.950.911	242.885.393
<b>Cộng</b>	<b>3.950.911</b>	<b>741.908.802</b>

**6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.137.016.968</b>	<b>(15.376.429.516)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>499.023.409</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	499.023.409
Các khoản chi phí không được trừ	-	499.023.409
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(15.137.016.968)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Lỗ được khấu trừ thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo tối đa là 05 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Bảng theo dõi lỗ được chuyển cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng	Lỗ thuế trong năm VND	Lỗ đã sử dụng VND	Lỗ đã quá hạn VND	Lỗ còn được chuyển VND	Năm hết hạn VND
2019	Đã quyết toán	5.555.180.309	(5.555.180.309)	-	-	2024
2022	Chưa quyết toán	14.877.406.107	(12.328.156.161)	-	2.549.249.946	2027

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	15.137.016.968	(15.376.429.516)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	15.137.016.968	(15.376.429.516)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.520.000	31.520.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>480</b>	<b>(488)</b>

**6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	15.137.016.968	(15.376.429.516)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	15.137.016.968	(15.376.429.516)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.520.000	31.520.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>480</b>	<b>(488)</b>

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	45.435.670.208	49.976.560.076
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	34.708.049.237	28.914.378.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.378.175.868	79.945.148.259
Thuế, phí, lệ phí	8.000.000	8.000.000
Chi phí dự phòng	348.738.496	2.713.568.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.864.210.928	8.868.263.291
Chi phí khác bằng tiền	8.978.082.877	11.134.965.250
<b>Cộng</b>	<b>176.720.927.614</b>	<b>181.560.883.485</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	20.000.000.000	16.360.399.435
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>16.360.399.435</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	46.234.870.503	67.179.756.426
<b>Cộng</b>	<b>46.234.870.503</b>	<b>67.179.756.426</b>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Họ tên	Chức vụ	Năm 2023			Năm 2022		
		Lương, thù lao	Thưởng	Cộng	Lương, thù lao	Thưởng	Cộng
Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	365.822.963	-	365.822.963	374.342.307	-	374.342.307
Nguyễn Công Định	Thành viên HĐQT - Phó TGĐ	384.395.925	-	384.395.925	364.064.710	1.000.000	365.064.710
Nguyễn Khắc Dân	Thành viên HĐQT - Tổng GĐ	426.134.800	-	426.134.800	424.342.307	1.000.000	425.342.307
Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	120.000.000	-	120.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	1.000.000	1.000.000
Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	399.032.078	-	399.032.078	315.381.372	1.000.000	316.381.372
Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	385.782.078	-	385.782.078	366.268.165	1.000.000	367.268.165
Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng Ban kiểm soát	25.000.000	-	25.000.000	21.000.000	-	21.000.000
Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng (từ ngày 19/6/2023)	127.348.059	-	127.348.059	-	-	-
Trần Quốc Độ	Kế toán trưởng (đến ngày 19/6/2023)	158.559.489	-	158.559.489	315.381.372	1.000.000	316.381.372
<b>Cộng</b>		<b>2.392.075.392</b>	<b>-</b>	<b>2.392.075.392</b>	<b>2.280.780.233</b>	<b>6.000.000</b>	<b>2.286.780.233</b>

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

**8.2 Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu năm có thể thay đổi sau khi Công ty được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

**8.3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



**Đỗ Hoàng Phúc**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

**Nguyễn Thị Thuý Hằng**  
Kê toán trưởng

**Trần Quốc Độ**  
Người lập biểu

